Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8414.20.10

Mã HS	8414.20.10
Mô tả hàng hóa	Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén không khí hoặc chất khí khác và quạt; nắp chụp hút tuần hoàn gió hoặc thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc; tủ an toàn sinh học kín khí, có hoặc không lắp bộ phận lọc / - Bơm không khí điều khiển bằng tay hoặc chân: / - - Bơm xe đạp
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	13/11/2026 17:18:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84142010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13167
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13167
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13167
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5 (-KH)	5% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E12451
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12394
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12394
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12394
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12394
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12394
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12394
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E12448
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12448
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12448
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12448

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12448
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12448
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12449
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12449
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12449
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12449
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12449
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12449
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F12450
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12400
AIFTA	30/12/2022	2022	16	AI!F12406
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	15.5	AI!G12406
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	15	AI!H12406
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I12406
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J12406
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K12406
VKFTA	2022	2022	5	VK!E12439
VKFTA	2023	2023	5	VK!F12439
VKFTA	2024	2024	5	VK!G12439
VKFTA	2025	2025	5	VK!H12439
VKFTA	2026	2026	5	VK!I12439
VKFTA	2027	2027	5	VK!J12439
VCFTA	2022	2022	4	VC!D12486
VCFTA	2023	2023	2	VC!E12486
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12486
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12486
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12486
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D12471
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E12471
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F12471
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12471
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12471
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12471
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D12471
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E12471
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F12471
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G12471
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H12471
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I12471
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D12486
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E12486
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F12486
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12486
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12486
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12486
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D12485
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E12485
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F12485
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12485
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12485
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12485

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12465
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12465
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12465
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12465
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12465
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12465
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12465
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D12473
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E12473
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F12473
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G12473
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H12473
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I12473
RCEP B	2022	2022	20	B!D12473
RCEP B	2023	2023	20	B!E12473
RCEP B	2024	2024	20	B!F12473
RCEP B	2025	2025	20	B!G12473
RCEP B	2026	2026	20	B!H12473
RCEP B	2027	2027	20	B!I12473
RCEP C	2022	2022	20	C!D12473
RCEP C	2023	2023	20	C!E12473
RCEP C	2024	2024	20	C!F12473
RCEP C	2025	2025	20	C!G12473
RCEP C	2026	2026	20	C!H12473
RCEP C	2027	2027	20	C!I12473
RCEP D	2022	2022	20	D!D12472

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20	D!E12472
RCEP D	2024	2024	20	D!F12472
RCEP D	2025	2025	20	D!G12472
RCEP D	2026	2026	20	D!H12472
RCEP D	2027	2027	20	D!I12472
RCEP E	2022	2022	20	E!D12476
RCEP E	2023	2023	20	E!E12476
RCEP E	2024	2024	20	E!F12476
RCEP E	2025	2025	20	E!G12476
RCEP E	2026	2026	20	E!H12476
RCEP E	2027	2027	20	E!I12476
RCEP F	2022	2022	20	F!D12473
RCEP F	2023	2023	20	F!E12473
RCEP F	2024	2024	20	F!F12473
RCEP F	2025	2025	20	F!G12473
RCEP F	2026	2026	20	F!H12473
RCEP F	2027	2027	20	F!I12473
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F11543
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G11543
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H11543
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I11543

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8414.20 có 2 dòng thuế; dòng 8414.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bơm xe đạp.	8414.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8414.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8414.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13167), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.